

Số: 242/CTHTHHKV IV
V/v kê khai niêm yết giá dịch vụ HTHH

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Kính gửi: - Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Cục Hàng hải Việt Nam.

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Thực hiện văn bản số 6524/BGTVT-VT ngày 29/06/2022 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hỗ trợ doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam trước tình trạng giá nhiên liệu tăng cao;

Thực hiện văn bản số 1542/TCTBÐATHHMB-KTKH ngày 29/06/2022 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc về việc giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa;

Căn cứ Quyết định số 240 /QĐ-CTHTHHKV IV ngày 30/06/2022 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải khu vực IV.

- Địa chỉ giao dịch: Số 30 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

- Số điện thoại: 0236.3886572;

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: pilotco4.com

2. Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải niêm yết theo quy định:

Xin gửi kèm theo Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Mức giá niêm yết này được thực hiện từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải khu vực IV xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã niêm yết.

Xin trân trọng cảm ơn./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục HHVN (để b/c);
- TCT ĐATHH miền Bắc (để b/c);
- Trang www.pilotco4.com;
- Lưu: TCHC, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Bùi Việt Hùng

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo văn bản số 242/CTHTHHKV IV ngày 30/06/2022
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV)

1. Mức kê khai giá

Các mức giá tại Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng khác 8% thì giá dịch vụ phải trả bằng giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng cộng với mức thuế giá trị gia tăng phải nộp.

a) Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi).		Đồng/GT/HL	66	58,32	7,68	11,64 %	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 540.000 đồng/1 lượt dẫn tàu
2	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Cảng Tiên Sa, Cảng X50; Cảng Sông Hàn; Cảng Liên Chiểu; Phao Mỹ Khê; (TP Đà Nẵng); Cảng Kỳ Hà (tỉnh Quảng Nam), Cảng Sa Kỳ, Khu chuyển tải Cửa Lở (Tỉnh Quảng Ngãi).		Đồng/GT/HL	27,5	24,3	3,2	11,64 %	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 540.000 đồng/1 lượt dẫn tàu
3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý		Đồng/GT	66	58,32	7,68	11,64 %	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324.000 đồng /1 lượt di chuyển.
4	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên		Đồng/GT/HL	27,5	24,3	3,2	11,64 %	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324.000 đồng /1 lượt di chuyển



5	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại		Đồng/GT/HL	27,5	24,3	3,2	11,64 %	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 540.000 đồng/1 lượt dẫn tàu
---	--	--	------------	------	------	-----	---------	---

b) Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (Tỉnh Quảng Ngãi).		USD/GT/HL	0,00495	0,00486	0,00009	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324 USD/1 lượt dẫn tàu
2	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Cảng Tiên Sa, Cảng X50; Cảng Sông Hàn; Cảng Liên Chiểu; Phao Mỹ Khê; (TP Đà Nẵng); Cảng Kỳ Hà (Tỉnh Quảng Nam), Cảng Sa Kỳ, Khu chuyển tải Cửa Lớ (Tỉnh Quảng Ngãi).		USD/GT/HL	0,00374	0,003672	0,000068	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324 USD/1 lượt dẫn tàu
3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)		USD/1 lượt dẫn tàu	44	43,2	0,8	1,82%	
4	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý		USD/GT	0,0165	0,0162	0,0003	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324 USD /1 lượt di chuyển

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực IV thực hiện theo Thông tư 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 14 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Thực hiện văn bản số 1542/TCTBDATHHMB-KTKH ngày 29/06/2022 của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc về việc giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc

Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV ban hành lại Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải, thay thế biểu giá kèm theo quyết định số 563/QĐ-CTHTHHKV IV ngày 20/12/2021), cụ thể như sau:

(1) Giảm giá dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa (bao gồm cả tàu biển và phương tiện VR-SB) đến mức giá tối thiểu quy định tại Thông tư số 54/2018/TT-BGVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

(2) Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

3. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

3.1 Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với hoạt động vận tải nội địa:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 21.600 đồng/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 216.000 đồng/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

c) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

d) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, trường hợp thuyền trưởng yêu cầu hoa tiêu ở lại trên tàu thì tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

đ) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

e) Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyển/tàu/tháng thì từ chuyển thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

g) Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyển/ tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyển thứ tư trở đi khung giá áp dụng bằng 50% khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này; đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đón trả hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đưa đón hoa tiêu không vượt quá 324.000 đồng/tàu/lượt;



i) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải tại khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu là 270.000 đồng/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

k) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực thì tổ chức hoa tiêu thu giá dịch vụ hoa tiêu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu theo quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

l) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, khung giá áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này nhưng không thấp hơn mức thu tối thiểu;

m) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì khung giá áp dụng bằng 150% khung giá quy định tại Mục 1 Khoản a, Bảng giá này;

n) Trường hợp tàu thuyền quốc tịch nước ngoài được phép vận tải nội địa của Bộ GTVT và nhận trả hàng nội địa thì được xem là vận tải hàng nội địa thu giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này.

3.2 Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 10,8 USD/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 21,6 USD/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này;

c) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

d) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này;

đ) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì khung giá áp dụng bằng 150% khung giá quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này;

e) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản này) thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này;

g) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng 324 USD/tàu/lượt dẫn;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 32,4 USD/tàu/lượt dẫn;

i) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 108 USD/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

k) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này nhưng không thấp hơn 324 USD;

l) Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 50% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này nhưng không thấp hơn 324 USD;

m) Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, khung giá áp dụng bằng 40% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này nhưng không thấp hơn 324 USD;

n) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa theo quy định tại Mục 1, khoản a – Bảng giá này;

o) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, khung giá áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này;


p) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải đồng thời có nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu thấp nhất cho một lượt vào ra tương ứng;

q) Trường hợp tàu thuyền Việt nam nhận trả hàng XNK tại nhiều khu vực hàng hải, đồng thời có kết hợp nhận trả hàng nội địa được xem là hoạt động vận tải quốc tế được áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu và mức giá quy định tại Mục 1, khoản b – Bảng giá này.

Bảng công văn này, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Trân trọng kính chào./.



GIÁM ĐỐC

Bùi Việt Hùng

